

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ VAI TRÒ PHỤ NỮ

Bà Kumudini Ranathunga *

Đặng Thu Hương dịch - Trần Kim Chi hiệu đính

*“For most of history, Anonymous was a woman.” / “Làm nên lịch sử
là một người phụ nữ ẩn danh”*

Virginia Woolf¹

Nỗ lực của tham luận này là đóng góp vào việc xóa bỏ những mặc cảm mà một số người hay nghĩ về phụ nữ và nêu rõ quan điểm của Đạo Phật về vấn đề này. Là một nhân tố quan trọng, người phụ nữ phải đóng các vai trò khác nhau trong xã hội. Vào thời Ấn độ cổ đại theo đạo Bà La môn, người phụ nữ giữ vị trí thấp hơn so với người đàn ông trong xã hội. Điều này xảy ra do đạo Bà La Môn có những quan niệm trọng nam, khinh nữ. Vào thời đó, phụ nữ không có quyền ra quyết định và làm những gì mình muốn bởi vì quyền tự do của họ bị giới hạn khiến họ luôn luôn phải sống dưới sự thống trị của đàn ông. Họ bị đối xử như những người sống ở tầng lớp thấp kém nhất – the “kshudra”. Tôi sẽ bàn chi tiết về vai trò của phụ nữ theo truyền thống đạo Bà La Môn và những quan điểm khinh nữ phổ biến thời bấy giờ. Tôi cũng sẽ chiếu những quan điểm này theo tinh thần của Đạo Phật.

1. Adeline Virginia Woolf là một nhà văn người Anh, một trong những người đi tiên phong trong thế kỷ 20.

Phụ nữ có nhiều trách nhiệm trong xã hội hơn đàn ông. Trong số đó, phụ nữ phải làm những công việc theo trái tim mình mách bảo. Cùng lúc, họ phải giữ vai trò và trách nhiệm của một người mẹ, người con gái, người chị, người vợ, người nội trợ và ngày nay trong xã hội hiện đại họ còn phải đi làm. Để đóng nhiều vai trò cùng một lúc một cách tích cực, họ phải có những phẩm chất như được học hành đầy đủ, sức khỏe tốt, mạnh mẽ, can đảm và có dũng khí để làm tốt tất cả các nhiệm vụ của mình. Vì vậy, ngày nay, khi mà xã hội ngày càng phức tạp, bình đẳng giới càng trở nên quan trọng.

TÓM TẮT LỊCH SỬ VỀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI

Dưới thời Mohenjo-Daro và Harappa xã hội có bình đẳng giới. Họ thờ các bộ phận sinh dục của cả nam và nữ. Họ cũng tin vào nam thần Pashupathi và nữ thần Jaganmāta. Vào thời kỳ đó, phụ nữ được coi như biểu tượng của sự thịnh vượng. Họ có quyền tự do và hạnh phúc.

Dưới thời Vệ Đà (Vedic), phụ nữ cũng giữ vị trí được tôn trọng trong xã hội. Vào thời kỳ đó phụ nữ được tự do học chữ Phạn và thực hiện các hoạt động tôn giáo. Tuy nhiên, thời kỳ này bắt đầu giới hạn quyền tự do của phụ nữ.

“Hãy làm bạn với vật nuôi nhưng không gieo nổi hận thù hay đau khổ cho chồng bạn. Hãy sinh ra những đứa con dũng cảm. Cầu nguyện và sống thật thoải mái”²

Giai đoạn này, đàn ông bắt đầu ra lệnh cho phụ nữ. Có thể thấy rõ điều này trong đoạn trích dẫn ở trên đây.

CUỐI THỜI KỲ VỆ ĐÀ

Đến cuối thời kỳ Vệ Đà, người phụ nữ phải đối mặt với nhiều khó khăn trong cuộc sống. Trong giai đoạn này, người Brahmins muốn mở rộng và

2. Rig Veda, 10th zone, 85 verse.

tăng cường quyền lực của họ trong xã hội Ấn Độ. Vì vậy, họ chia xã hội thành 4 nhóm.

“Brāhmanosya mukhamāsid - bāhu rājanya: krutah:
ūru tadasya yad vaishya - pādbyām kshudro ajāyata”³

Theo trích đoạn này, đẳng cấp thấp nhất là người “kshudra”. Sau khi ra đời chữ viết Brāhmana, chế độ phụ hệ bắt đầu được nêu trong Luật Manus. Cuốn sách luật Manus được giới thiệu vào thế kỷ đầu tiên trước công nguyên. Cuốn sách nói về thời kỳ khoảng 5 thế kỷ sau khi Phật giáo xuất hiện, nhưng hệ thống lại những quy tắc và thực tế của đạo Bà La Môn (Brāhmanic) cổ đại sau khi bị suy thoái kể từ thời kỳ Vệ Đà (Vedas).

Theo truyền thống đạo Bà La Môn, phụ nữ bị đặt ở vị trí thấp nhất trong xã hội. Vì thế người Bà La Môn sử dụng tôn giáo để xây dựng toàn bộ hệ thống tư tưởng của họ. Thông qua tôn giáo, họ đã cố gắng điều khiển phụ nữ. Bị đặt trong tình huống này, người phụ nữ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và đau khổ. Họ không được đối xử tử tế và người Bà La Môn xếp họ vào tầng lớp thấp nhất trong xã hội tầng lớp “kshudra”.

Truyền thống Bà La Môn phổ biến với xã hội những quan niệm kỳ thị phụ nữ bằng cách chỉ trích họ.

Họ không có quyền theo dõi hay tham gia vào các hoạt động tôn giáo. Không có quyền được đi học. Chức năng duy nhất của họ là sinh con và chăm sóc chồng con. Họ luôn phải sống theo các mệnh lệnh của đàn ông.

“Khi còn nhỏ, một bé gái phải nghe lời cha, trưởng thành phải tuân lệnh chồng, khi chồng mất, họ phải theo ý con trai, phụ nữ chẳng bao giờ độc lập.”⁴

Theo Luật Manus cách duy nhất để được lên trời là vâng lời chồng. Họ được chỉ dạy phải làm vậy thì mới lên được thiên đường.

3. Rig Veda, 10th zone, 90th Purusha Sūktha

4. Book V vs. 147

“Nāsti strīnam prthag yajño na vratam nāpyupoṣṣatham patim suśrūyate yena tena svarge mahīyate”⁵

“Phụ nữ không được phép tế lễ, thệ nguyện, hay ăn chay (nếu người chồng không muốn): Chỉ cần người ấy vâng lệnh chồng, họ sẽ xứng đáng được lên thiên đàng”⁶

Do những quan niệm này, xã hội ngày ấy tự động đổi sang xã hội phụ hệ. Truyền thống Bà La Môn luôn nhìn phụ nữ với con mắt kỳ thị.

Chúng tôi không thể giải thích tại sao điều này xảy ra ở đây nhưng những sử gia theo thuyết nam nữ bình quyền nói có thể là do chiến tranh. Đàn ông ra chiến trường để vợ ở nhà không được bảo vệ, đôi khi người bảo vệ chính là mẹ chồng, một nhân tố của sự kỳ thị phụ nữ, một bạo chúa.

CÁC QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO LIÊN QUAN ĐẾN PHỤ NỮ

Từ khi Đạo Phật xuất hiện, Đức Phật đưa phụ nữ lên một vị trí danh giá. Theo Phật giáo, phụ nữ có quyền tự do tham gia các hoạt động tôn giáo. Họ được sống thoải mái dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, và tham gia hoạt động trong Tăng đoàn Phật giáo... Đức Phật coi tất cả mọi chúng sinh đều có quyền bình đẳng. Xã hội Phật giáo nhấn mạnh những điều sau:

1. Tỳ kheo (Bhikkhu)
2. Tỳ kheo ni (Bhikkhuni)
3. Ưu bà tắc (Cận sự nam-Upāsaka)
4. Ưu bà di (Cận sự nữ- Upāsikā)

Đồng thời, Đức Phật không đồng tình với những khái niệm trọng nam khinh nữ của Đạo Bà La Môn truyền thống. Ngài nhắc đến 5 nỗi khổ mà phụ nữ phải chịu. Năm nỗi khổ mà phụ nữ phải trải qua được nêu dưới đây:⁷

5. Manu. V. 153.

6. Luật Manu Tr., tác giả G. Buhler SBC. Tập XIV. trang 196. Chương V. v. 155

7. S. IV PTS, London 1956, PP. 162-9,

1. “Khi còn nhỏ, người phụ nữ phải sống trong nhà của cha mẹ và người thân của họ. Lớn lên, họ phải sống với nhà chồng”

2. Phải trải qua những kỳ kinh hàng tháng

3. Phải mang thai

4. Phải sinh con.

05. Phải thức đợi người đàn ông của mình.

“Nhưng đồng thời, việc thấy kinh, mang bầu và sinh con lại là những nhân tố khiến người phụ nữ có khả năng trở thành người mẹ- vai trò mà bản thân mỗi người đàn ông đều phải ngưỡng mộ, tôn thờ ...”⁸

“Những bình luận xung quanh 5 nỗi khổ này không thể quy kết là do Đạo Phật được vì những bình luận này không thấy xuất hiện trong triết học Phật Giáo ... Quan điểm của chủ nghĩa bình quân của triết học Phật giáo không công nhận rằng đàn ông có giới tính ưu việt hơn phụ nữ.”⁹

Đạo Phật nhìn phụ nữ với đầy lòng trắc ẩn. Không chỉ phụ nữ mà tất cả các chúng sinh hữu tình. Đức Phật đánh giá cao người phụ nữ. Ngài cũng nói đến người mẹ như người bạn trong mỗi gia đình. “*Mātā mittam sake gare*”¹⁰. Trong cuốn kinh Đại phúc đức (Mahamangala Sutta) của Majjhima Nikāya Đức Phật ngợi ca cả vai trò của người cha và người mẹ. “*Mātā pitū upatthānam*”¹¹. Ngài giảng giải cho Đức vua Pasenadi Kosala rằng phụ nữ cần phải được chăm sóc. Họ cũng là những người thông thái, họ cư xử tốt với người thân và sinh ra những đứa con dũng cảm, sau này có thể cai trị cả vương quốc.

“*itthī pi hi ekacciya seyyā posa janādipa
medhāvinī sīlavatī sassudevā patibbatā
Tassā yo jāyatī poso sūro hoti disampati
evam subhagiya putto rajjam pi anusāsati*”¹²

8. Savimalee Karunaratna “Phụ nữ thời kỳ sơ khai của Đạo Phật” (Savimalee Karunaratna “The female in early Buddhism”) trang 60, một luận văn chưa phát hành của M.Phil thuộc Đại học Kelaniya, 1999

9. (Karunaratne, ibid,)

10. SN. I. P. 37.

11. KN. I. Mangala sutta, B.J.T.S

12. SN. I. 86

Trí tuệ của người phụ nữ không chỉ giới hạn trong công việc bếp núc. Điều này là hoàn toàn không đúng sự thật. Bởi phụ nữ phải làm rất nhiều nhiệm vụ với vai trò là người nội trợ. Để hoàn thành những nhiệm vụ đó, họ cần phải có vốn kiến thức nhất định. Nếu không có trí tuệ họ không thể duy trì được cuộc sống gia đình.

“*yam tam isīhi pattaḅbam thānam durabhisambhvaṃ
nataṃ dvaṅgulaṇṇāyasakkā pappotum itthiyā*”¹³

Cũng trong kinh Vāsetta sutta của Sutta Nipāta, loài người được coi như một trong muôn loài sinh sống trong cùng một thế giới. Điều này cũng có nghĩa đàn ông và phụ nữ kết hợp với nhau cũng để trở thành một phần của thế giới muôn loài.

Có Phật tử tên là Visākhā, một nhân vật quan trọng trong nền văn học Phật giáo, được coi như một nữ cư sỹ tiêu biểu¹⁴. Khi bà kết hôn, cha bà tặng bà 7 lời răn như sau:

1. Không mang lửa ra khỏi nhà;
2. Không mang lửa về nhà;
3. Chỉ cho đi nếu người đó cho lại mình;
4. Không cho đi nếu người đó không cho lại mình;
5. Chỉ mang tới cho người đàn ông những gì anh ta mang đến cho mình và không cho anh ta những gì anh ta không mang lại cho mình;
6. Ngồi, ăn và ngủ trong hạnh phúc;
7. Giữ gìn ngọn lửa và kính trọng những vị thần hộ pháp của gia đình.¹⁵

Những lời khuyên này nói đến vai trò trách nhiệm mà người phụ nữ phải gánh vác trong cuộc sống gia đình.

Nakulapitu sutta cho thấy Nakula Māta đã mạnh mẽ và tự tin như thế nào khi chồng bà ốm nặng và khi ông buồn rầu không biết chuyện gì sẽ xảy ra với họ khi chỉ có mình bà chăm lo cho gia đình. Quả là một nhiệm vụ lớn lao và bà đã làm yên lòng ông. Bà đã thuyết phục ông rằng bà có

13. SN. I. 129

14. A. i. 26; Malalasekara G.P., “*Dictionary of pāli proper names*”

15. Malalasekara G.P., “*Dictionary of pāli proper names*”, p. 901.

thể dệt vải và nuôi trồng để kiếm tiền chăm sóc gia đình. Có thể thấy rõ trong đoạn trích sau:

1. “na Nakulamāta gahapatānī mamaccayena sakkhissati dārake posetum ghaāvāsaṃ sattharittutti”.
2. “Nakulamāta gahapatānā mamaccayena aññaṃ varaṃ gamissati”.
3. “Nakulamāta gahapatānī mamaccayena na dassanakāmābhavissati bhagavato, na dassanakāmā bhikkhu saṅghassa ti”.
4. “na Nakulamāta gahapatānī mamaccayena silesu paripūrakāni ti”.
5. “na Nakulamāta gahapatāni lābhini ajjhataṃ cetosamathasso ti”.
6. “na Nakulamāta gahapatānī imasmim dammavinaye ogādhappattāassāsappattā tiṇṇavicikiccā vigatakathaṅkatā vesarajjpppti aparappaccayā satthasāsane viharati ti¹⁶”.

Là một người phụ nữ tiết hạnh, bà được mọi người tôn trọng và sống thanh thản suốt cuộc đời. Có thể thấy trong đoạn trích sau: “pañcahi bhikkave dhammehi samannāgato mātugāmo visārado agaāṃ ajjhāvasati. Katamehi pañcahi? Pānātipātā pativirato ca hoti... surāmeraya - majjapamādaṭṭānā pativirato ca hoti.”¹⁷

Người phụ nữ tốt phải đạt được thành công cả trong cuộc đời này (idha-lokavijaya) và các cuộc đời sau (para-lokavijaya). Họ cũng cố gắng thành công trong đời thường và đời sống tâm linh. Trong cuốn *Anguttara Nikāya*, có đoạn sau: “Catūhi kho visākha dhammehi samannāgato mātugāmo idhalokavijayāya paṭipanno hoti ayamsa loko āraddho hoti. Katamehi catūhi? Idha visākha mātugāmo susamvihita-kammanto hoti sangahitā parijano bhattu manāpaṃ carati sambhataṃ anurakkhati... catūhi kho visākha dhammehi samannāgato mātugāmo paralokavijayāya paṭipanno hoti parassa loko raddho hoti. Katamehi catūhi? Idha visākha mātugāmo saddhāsampanno hoti sīlasampanno hoti cāgasampanno hoti pañña sampnno hoti”¹⁸

Người phụ nữ tốt có nhiệm vụ xây dựng không chỉ cuộc sống đời thường mà còn cuộc sống tôn giáo. Họ phải biết cân đối cả hai khía cạnh

16. A. iv. Nakulapitu sutta, BJTS,

17. SN. IV. 250

18. AN. IV. 269f.

của cuộc sống đời thường và cuộc sống tâm linh. Trong cuốn *Anguttara Nikāya*, có đoạn nói đến đường dẫn đến Tây phương cực lạc của người phụ nữ. “*Susamvihitakammantā sangahitā - pariṇāṇā, bhātu manāpam carati sambatam anurakkhati. Saddhāsīlena sampannāvadañña vītamaccharā niccam maggam visodehi sotthānam samarāyikam. Iccete aṭṭhadhammā ca yassā vijjati nāriyā tam pi sīlavatim āhu dhammatṭham saccavādinim. Soḷṣākārasampannā aṭṭhaṅgasusamāgatā tādisī sīlavatī upasikā upapajjati devalokam manāpam.*”¹⁹

Đó là:

1. Tổ chức công việc gia đình một cách hiệu quả,
2. Đối xử tốt với người giúp việc,
3. Phần đầu để làm hài lòng chồng,
4. Quản lý tốt số tiền mà người chồng kiếm được,
5. Một lòng mộ đạo,
6. Giữ gìn tiết hạnh,
7. Tốt bụng,
8. Nhân hậu.

GIỚI VÀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ

Có mối quan hệ mật thiết giữa bình đẳng giới và Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ như sau:

1. Xóa bỏ tình trạng đói và nghèo cùng cực
2. Đạt phổ cập giáo dục tiểu học
3. Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho người phụ nữ
4. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em
5. Nâng cao sức khỏe bà mẹ
6. Chiến đấu chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác
7. Đảm bảo môi trường bền vững
8. Xây dựng mối quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển

19. AN. IV. 271

Liên Hợp Quốc lựa chọn ra 8 mục tiêu này và phân đầu đạt được toàn bộ các mục tiêu này vào năm 2015. Cho đến nay, Xri-lan-ca đã đạt được một vài mục tiêu trong số này và còn một số mục tiêu khác vẫn nằm trong danh sách chưa hoàn thành.

Bình đẳng giới là vấn đề quan trọng không chỉ vì đây là một mục tiêu mà còn vì bình đẳng giới cũng là một lộ trình giúp đạt được các mục tiêu khác. Vì vậy, bình đẳng giới đóng một vai trò sống còn trong các mục tiêu phát triển.

XRI-LAN-CA VÀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ.

Trong số các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, Xri-lan-ca đã đạt được một số mục tiêu như: giảm nghèo, nâng cao chất lượng chăm sóc bà mẹ và trẻ em, bình đẳng giới ..v.v.. Và kết quả là ngày nay đất nước này đang phát triển nhanh chóng.

Nói một cách khoa học, người phụ nữ thực sự không khỏe mạnh bằng nam giới. Nhưng họ có thể làm bất cứ việc gì mà nam giới làm được. Kết quả của mục tiêu bình đẳng giới trong Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ là phụ nữ có công việc của phi hành gia, nhạc trưởng, giáo sư, bác sỹ, chính trị gia, thẩm phán, nhà khoa học, v.v... Ở Xri-lan-ca, bà Sirimavo Bandaranayake đã trở nên nổi tiếng khi trở thành vị nữ thủ tướng đầu tiên và con gái bà Chandrika Bandaranayake trở thành Tổng thống, thẩm phán Sriyani Bandaranayaka trở thành Chánh án ... Qua những ví dụ này, chúng tôi muốn chứng minh rằng phụ nữ có thể đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước và làm những việc như nam giới.

Phụ nữ Xri-lan-ca đang góp phần xây dựng đất nước mà không vấp phải rào cản gì. Thông qua đó chúng tôi có một nguồn lao động phát triển đất nước và ngăn chặn đói nghèo. Đây là một giải pháp cho vấn đề đói nghèo. Hiến pháp Xri-lan-ca cũng nêu rằng mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

“Mọi cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách công bằng”²⁰

20. Điều thứ 13 trong hiến pháp Xri-lan-ca

Theo hiến pháp Xri-lan-ca mọi người đều có quyền được bảo vệ do đó quyền bình đẳng cũng được bảo vệ. Đây cũng là nhân tố bảo vệ quyền bình đẳng giới tại Sri Lanka. Ngoài ra, có nhiều tổ chức hỗ trợ phụ nữ như CENWOR. Và Chính phủ cũng tăng cường chăm sóc phụ nữ cũng như bảo vệ bà mẹ và trẻ em. Bởi vì họ là những người sản sinh ra những thế hệ tương lai. Vì vậy, Chính phủ đã phát triển các chương trình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các bà mẹ mang thai. Bằng những ví dụ trên, chúng tôi có thể chứng minh và hiểu được làm thế nào mà Xri-lan-ca lại đạt được Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ là “Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho người phụ nữ”.

CÁC RÀO CẢN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN MỤC TIÊU THỨ 3

Nói một cách khác, người phụ nữ đã có thêm giá trị thông qua các hoạt động tôn giáo, xã hội, văn hóa v.v.. trong khi cuộc sống gia đình giới hạn họ bởi vì nuôi nấng gia đình luôn là một nhiệm vụ to lớn. Ở đất nước chúng tôi, nhiều người phụ nữ cũng đi làm. Nhưng rất ít phụ nữ nông thôn ra ngoài làm việc. Họ chỉ chờ đợi ở nhà mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn vất vả, không đủ tiền chi tiêu, bởi vì họ không muốn phá vỡ truyền thống hay văn hóa. Họ sợ rằng họ sẽ bị xã hội phản đối nếu làm những công việc ngoài việc nội trợ của mình. Thực tế chúng ta phải công nhận giá trị của văn hóa, tôn giáo ..v.v..và chúng ta cần bảo vệ những giá trị này. Nhưng mặt khác, chúng ta phải sống với xã hội hiện tại và làm việc gì phù hợp. Mặt khác, thế giới hiện nay rất phù hợp cho cả hai mục tiêu này, nếu không sẽ lãng phí nguồn lực. Giờ đã là thế kỷ thứ 21 nên chúng ta phải sống cho phù hợp với thời đại.

KẾT LUẬN

Theo thông tin của Ngân hàng Thế giới (World Bank), tỷ lệ nữ thanh niên biết đọc biết viết ở Xri-lan-ca là 98% năm 2008. Theo báo cáo của UNICEF con số này là 99% trong giai đoạn 2007-2011. Là một phụ nữ Xri-lan-ca, tôi tự hào nói rằng chúng tôi đã đạt được mục tiêu thứ 3 trong Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, đó là “Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho người phụ nữ”. Cuối cùng, xét về mặt tổng thể,

chúng ta có thể nói rằng thúc đẩy bình đẳng giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước.

THAM KHẢO

Bài viết này chủ yếu tham khảo các tài liệu sau:

S. IV PTS, Luân Đôn 1956, PP. 162-9,

SN. I. P. 37.

SN. I. 86

SN. I. 129

SN. IV. 250

vAN. IV. 269f.

AN. IV. 271

Tiếp theo, bài viết cũng tham khảo những nguồn thông tin sau:

Rig Veda, 10th zone, 85 verse.

Rig Veda, 10th zone, 90th Purusha Sūktha

Book V vs. 147

Điều 13 trong hiến pháp Xri-lan-ca

Luật Manu Tr., tác giả G. Buhler SBC. Tập XIV. trang 196. Chương V. v. 155

Savimalee Karunaratna “Phụ nữ thời kỳ sơ khai của Đạo Phật” (Savimalee Karunaratna “The female in early Buddhism”) trang 60, một luận văn chưa phát hành của M.Phil thuộc Đại học Kelaniya, 1999.

iv. Nakulapitu sutta, BJTS,

Malalasekara G.P., “Dictionary of pāli proper names”, p. 901.

Giáo sư Dhammavijari Tera, “Phụ nữ trong Đạo Phật”, Buddhist publication Society, 2003.

Mahinda Weerasinghe, “Nguồn gốc muôn loài theo Phật Giáo”, tái bản lần thứ 3, 2007.

www.unisef.org/intobycountry/sri_lanka_statistics.html, 30-01-2014, 2.30. pm.

www.unicef.org/infobycountry/sri_lanka_statistics.html, 30-01-20014, 2.30.pm.